

Số: 2485 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 04 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho phép hợp nhất Liên đoàn Cầu lông tỉnh Bình Định và Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai (trước đây) thành Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Công văn số 4843/UBND-NC ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho phép Liên đoàn Cầu lông tỉnh tổ chức Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Chủ tịch Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 468/TTr-SNV ngày 30 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai đã được Đại hội đại biểu Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai lần thứ I (nhiệm kỳ 2025 - 2030) thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- LĐVP UBND tỉnh;
- P. KGVX;
- Lưu: VT, C7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Lịch

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
LIÊN ĐOÀN CẦU LÔNG TỈNH GIA LAI
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

- Tên tiếng Việt: Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai.
- Tên tiếng Anh: Gia Lai Badminton Federation.
- Tên viết tắt tiếng Anh: GLBF.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

- Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Liên đoàn) là tổ chức xã hội nghề nghiệp tự nguyện của những huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài, những người yêu thích tập luyện môn cầu lông, những người nhiệt tình động viên, ủng hộ và có nhiều đóng góp cho sự phát triển của bộ môn cầu lông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Liên đoàn hoạt động với mục đích tuyên truyền, tổ chức, hướng dẫn quần chúng tham gia tập luyện và thi đấu môn cầu lông nhằm rèn luyện, nâng cao sức khỏe, thể lực, nâng cao thành tích tập luyện thi đấu, góp phần từng bước đưa phong trào cầu lông tỉnh Gia Lai phát triển.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

- Liên đoàn có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên đoàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- Trụ sở của Liên đoàn đặt tại 283b Lê Hồng Phong, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
- Email: ldclgialai@gmail.com.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Liên đoàn hoạt động trong phạm vi tỉnh Gia Lai, trong lĩnh vực thể dục thể thao. Liên đoàn chịu sự quản lý nhà nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, sự quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn.

2. Liên đoàn tự nguyện là thành viên của Liên đoàn Cầu lông Việt Nam (VBF).

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Chương II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA LIÊN ĐOÀN

Điều 6. Quyền hạn

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ đã được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên đoàn. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn theo quy định của pháp luật. Tổ chức phối hợp các hoạt động thúc đẩy hợp tác giữa các hội viên vì lợi ích chung của Liên đoàn và hội viên.
5. Phổ biến, tập huấn kiến thức cho hội viên, cung cấp thông tin cho hội viên theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn trong nhiệm kỳ.
7. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Liên đoàn theo quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn.
8. Tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Liên đoàn và lĩnh vực Liên đoàn hoạt động.
9. Được gây quỹ Liên đoàn trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
10. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn. Được Nhà

nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).

11. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn.

12. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên đoàn.

13. Đề xuất, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống thi đấu cầu lông từ cơ sở đến toàn tỉnh; sửa chữa, xây dựng sân bãi, trang thiết bị dụng cụ phục vụ tập luyện và thi đấu cầu lông, tham gia tuyển chọn, đề xuất danh sách các vận động viên đội dự tuyển, đội tuyển các nhóm tuổi của tỉnh để tham gia các giải thi đấu trong khu vực và toàn quốc.

14. Xây dựng và triển khai kế hoạch hợp tác với các đơn vị của tỉnh, Liên đoàn Cầu lông các tỉnh, thành và của cả nước về lĩnh vực cầu lông.

15. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với Liên đoàn Cầu lông Việt Nam.

16. Huy động các nguồn lực của xã hội góp phần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động cầu lông trên địa bàn tỉnh, có kế hoạch thích hợp, cụ thể để thu hút các nguồn tài trợ.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Liên đoàn

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Liên đoàn. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Liên đoàn đã được phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Liên đoàn để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Liên đoàn.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Liên đoàn hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định.

5. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Liên đoàn hoạt động, phương hướng phát triển sự nghiệp thể dục thể thao nói chung và bộ môn cầu lông nói riêng; với tinh thần thể thao vì sức khỏe và hạnh phúc cho mọi người.

6. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Liên đoàn để làm cơ sở cho Liên đoàn tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn.

7. Tuân thủ các quy định và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí được Nhà nước hỗ trợ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

8. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định.

9. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung điều lệ, Liên đoàn phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Liên đoàn hoạt động.

10. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Liên đoàn với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Liên đoàn hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của Liên đoàn và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn.

11. Hàng năm, Liên đoàn phải báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính Liên đoàn hoạt động.

12. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên đoàn với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ Liên đoàn.

14. Lập và lưu giữ tại trụ sở Liên đoàn tài liệu tổ chức thuộc Liên đoàn, sổ sách, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Liên đoàn.

15. Ban hành các quy chế về hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Liên đoàn; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Liên đoàn; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên đoàn; quản lý và sử dụng con dấu của Liên đoàn và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn.

16. Chỉ đạo, quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức trực thuộc Liên đoàn.

17. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Liên đoàn vào cơ sở dữ liệu về hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội.

18. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển các tổ chức cầu lông ở địa phương, đơn vị để xây dựng và phát triển môn cầu lông rộng rãi ở mọi trình độ cho mọi đối tượng, chú trọng đặc biệt đến đối tượng thanh thiếu niên, nhi đồng, học sinh.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam đang học tập, làm việc trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tán thành Điều lệ của Liên đoàn, có đóng góp cho phong

trào cầu lông, tự nguyện xin gia nhập vào hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Liên đoàn, đóng lệ phí và tham gia các hoạt động của Liên đoàn đều có thể được công nhận là hội viên chính thức của Liên đoàn.

2. Hội viên danh dự: Các cá nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển của phong trào cầu lông tỉnh Gia Lai nhưng không có điều kiện tham gia hội viên chính thức của Liên đoàn, có thể được Liên đoàn mời làm hội viên danh dự.

3. Tổ chức thành viên: Các Câu lạc bộ cầu lông và các tổ chức khác thừa nhận và chấp hành điều lệ của Liên đoàn, đóng lệ phí theo quy định và tham gia các hoạt động do Liên đoàn tổ chức đều có thể được công nhận là tổ chức thành viên của Liên đoàn.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Liên đoàn cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn, được tham gia các hoạt động do Liên đoàn tổ chức.

2. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn.

3. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn.

4. Được Liên đoàn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Liên đoàn.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Liên đoàn khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Liên đoàn và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Liên đoàn.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Liên đoàn.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Liên đoàn; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Liên đoàn phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Liên đoàn, không được nhân danh Liên đoàn trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên đoàn phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Liên đoàn.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Liên đoàn.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Liên đoàn

Ban Chấp hành ban hành Quy chế quy định cụ thể về kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Liên đoàn phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

**Chương IV
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN ĐOÀN**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Liên đoàn

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các ban chức năng của Liên đoàn.
6. Các tổ chức thành viên của Liên đoàn.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường, Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 04 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Liên đoàn hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Liên đoàn đề nghị.

Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu chỉ được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt. Số lượng, cơ cấu và thành phần đại biểu tham dự Đại hội do Ban Chấp hành quy định.

2. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội.

b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử.

c) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng nhiệm vụ của Liên đoàn trong nhiệm kỳ mới; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, báo cáo tài chính của Liên đoàn.

d) Thảo luận và thông qua Điều lệ; thảo luận và biểu quyết việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của Liên đoàn; đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Liên đoàn (nếu có).

đ) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Liên đoàn; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Liên đoàn.

- e) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Liên đoàn.
- g) Biểu quyết các vấn đề quan trọng khác của Liên đoàn.
- h) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Liên đoàn giữa hai kỳ Đại hội, do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Liên đoàn. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành:

a) Thực hiện các Nghị quyết Đại hội Liên đoàn và đại hội cấp trên, Điều lệ Liên đoàn và lãnh đạo toàn bộ công tác của Liên đoàn giữa 2 kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị nội dung, chương trình nghị sự và các tài liệu trình đại hội (kể cả đại hội bất thường) và hội nghị hàng năm; quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định các chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của Liên đoàn; quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên đoàn; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Liên đoàn; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết khiếu nại, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Liên đoàn; các quy định về thể thức gia nhập, xin ra khỏi Liên đoàn, khai trừ, xóa tên hội viên; các quy định trong nội bộ Liên đoàn phù hợp với quy định của Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, Tổng Thư ký, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua.

e) Quyết định việc thành lập các ban chuyên môn, các tổ chức cơ sở thành viên của Liên đoàn; quyết định việc kết nạp, bãi miễn tư cách hội viên.

g) Quyết định mức thu hội phí, lệ phí gia nhập, mức trích nộp hội phí đối với các tổ chức thành viên, hội viên.

h) Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân là thành viên, hội viên của Liên đoàn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành họp 06 tháng một lần. Trường hợp cần thiết Ban Chấp hành họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Liên đoàn hoặc của ít nhất 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên đoàn.

e) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành, số lượng không quá 1/3 số lượng ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn; thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, lãnh đạo hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung, quyết định triệu tập các kỳ họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định những công việc khẩn cấp của Liên đoàn.

d) Căn cứ Nghị quyết Đại hội để xây dựng chương trình công tác cụ thể dài hạn và ngắn hạn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

b) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 số ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình

thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

c) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu gồm Trưởng Ban và một số ủy viên, trong đó Trưởng Ban kiểm tra phải là ủy viên Ban Chấp hành. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Liên đoàn, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Liên đoàn trong hoạt động của các tổ chức thuộc Liên đoàn, hội viên. Ban Kiểm tra có thể tiến hành kiểm tra bất thường về những vấn đề do hội viên, tổ chức thành viên của Liên đoàn hoặc do cơ quan Nhà nước yêu cầu.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Liên đoàn, hội viên, các tổ chức thuộc Liên đoàn đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký

1. Chủ tịch Liên đoàn

a) Chủ tịch Liên đoàn là đại diện của Liên đoàn trước pháp luật, là chủ tài khoản, quản lý tài chính và tài sản của Liên đoàn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn. Tiêu chuẩn Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Liên đoàn:

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp

hành, Ban Thường vụ Liên đoàn.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Liên đoàn, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Liên đoàn theo quy định Điều lệ Liên đoàn; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn.

- Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ.

- Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Liên đoàn.

- Khi Chủ tịch Liên đoàn vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Liên đoàn được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch.

2. Phó Chủ tịch Liên đoàn

a) Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định.

b) Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Liên đoàn chỉ đạo, điều hành công tác của Liên đoàn theo sự phân công của Chủ tịch Liên đoàn; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên đoàn và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Liên đoàn phân công hoặc ủy quyền.

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn phù hợp với Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

3. Tổng Thư ký

a) Tổng Thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Tổng Thư ký do Ban Chấp hành quy định.

b) Tổng Thư ký chịu trách nhiệm giải quyết các công việc thường xuyên của Liên đoàn, do Chủ tịch Liên đoàn phân công. Tổng Thư ký có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các kỳ đại hội, hội nghị; quản lý hồ sơ, tài liệu của Liên đoàn; lập báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất gửi cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định. Tổng Thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên đoàn và Ban Chấp hành Liên đoàn về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Chương V **ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT** **VÀ GIẢI THỂ LIÊN ĐOÀN**

Điều 18. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Liên đoàn

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Liên đoàn thực

hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Liên đoàn và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 19. Thu hồi con dấu của Liên đoàn

Việc thu hồi con dấu đối với Liên đoàn đổi tên, Liên đoàn bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính của Liên đoàn

1. Nguồn thu của Liên đoàn:

- a) Lệ phí gia nhập, hội phí của hội viên và các tổ chức thành viên đóng góp theo quy định của Ban Chấp hành.
- b) Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- c) Kinh phí do Nhà nước hỗ trợ (nếu có)
- d) Các khoản thu từ hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.
- e) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi của Liên đoàn:

Các khoản chi của Liên đoàn thực hiện theo quy chế quản lý tài chính, tài sản của Liên đoàn do Ban Chấp hành Liên đoàn quyết định.

Điều 21. Tài sản của Liên đoàn

1. Tài sản của Liên đoàn gồm tài sản được hình thành từ nguồn kinh phí của Liên đoàn; tài sản do các tổ chức, cá nhân hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản của Liên đoàn thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Liên đoàn. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Khi Liên đoàn chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Liên đoàn kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- a) Đối với tài sản của Liên đoàn là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công.
- b) Đối với tài sản của Liên đoàn được hình thành từ nguồn tự có của Liên đoàn thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Liên đoàn.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Liên đoàn

1. Tài chính, tài sản của Liên đoàn chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Liên đoàn; theo nguyên tắc: đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy chế quản lý tài chính, tài sản do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định, phù hợp với quy chế quản lý tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tài chính, tài sản của Liên đoàn khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

3. Ban Kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo tài chính, tài sản công khai hàng năm cho hội viên biết.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Liên đoàn, hội viên có thành tích xuất sắc được Liên đoàn khen thưởng hoặc được Liên đoàn đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Liên đoàn, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Liên đoàn thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo...

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đại biểu Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai thông qua khi có trên 1/2 tổng số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ phải được Liên đoàn hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn phê duyệt.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai gồm 08 Chương, 26 Điều được Đại hội đại biểu Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai lần thứ nhất (nhiệm kỳ 2025 - 2030) thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành theo Quyết

định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về Hội và Điều lệ Liên đoàn, Ban Chấp hành Liên đoàn Cầu lông tỉnh Gia Lai có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.